TT	LỚP	MÃ	HỌ	TÊN	NS	QUÊ	Chính trị	Pháp luật	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục thể chất	Tin học	Anh văn 1	Kỹ năng giao tiếp	Kỹ năng giao tiếp	Truyền thông giáo dục sức khỏe	Viết, đọc tên thuốc	Thực vật	Hóa phân tích 1	Y học cơ sở 1	Bảo quản thuốc và thiết bị y tế	Dược liệu	Bào chế 1	Anh văn 2	Hóa phân tích 2	Y học cơ sở 2	Quản lý dược	Hóa dược dược lý 1	Bào chế 2	Kiểm nghiệm thuốc	Hóa dược - dược lý 2	Marketing & kinh tế Dược	Dược lâm sàng
1	DSK4A	DSK4A001	Nguyễn Thụy Thúy	Vy	25/02/1987	TPHCM		M	M	M		M				8.7	8.3	9.3					5.1	9.6			8.8		6.8			
2	DSK4A	DSK4A002	Lê Thị Thu	Hồng	09/11/1994	An Giang	M	M	M	M	M	M	M	M		8.5	9.0	10.0					5.3	8.9			9.2		6.4			
3	DSK4A	DSK4A003	Nguyễn Thị	Hương	18/12/1963	Vĩnh Long	M		M	M						8.3																
4	DSK4A	DSK4A004	Trần Thanh	Nhặn	15/12/1996	Long An			7.0	5.0						5.9	4.0	5.0					5.4	5.3					5.0			
5	DSK4A	DSK4A005	Cao Thị Tuyết	Ly	06/05/1986	Bến Tre										7.9	6.8	7.0					5.6	6.5			5.9		5.8			
6	DSK4A	DSK4A006	Nguyễn Lương	Phước	01/05/1985	TPHCM	M	M			M	M				7.0	5.2	5.1					5.6	8.8			5.7		5.6			
7	DSK4A	DSK4A007	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	13/05/1961	Hà Bắc										7.6		6.3						6.7								
8	DSK4A	DSK4A008	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	14/07/1971	TPHCM										7.0	3.5	5.7						4.9								
9	DSK4A	DSK4A009	Nguyễn Văn	Hòa	20/12/1982	Đồng Nai			7.1	8.2						8.6	5.0	8.1					6.3	6.8			5.7		5.6			
10	DSK4A	DSK4A010	Nguyễn Hoàng	Viễn	29/06/1983	An Giang	M	M	M	M	M	M	M	M		6.7	7.5	5.8					4.9	7.5			6.7		5.4			
11	DSK4A	DSK4A011	Lê Đăng Hoàng	Tùng	01/10/1968	TPHCM										9.0	6.7	8.7					5.6	8.9			8.6		6.4			
12	DSK4A	DSK4A012	Lê Thị Lệ	Hiền	10/04/1985	Quảng Ngãi	M	M	M	M	M	M				7.6	7.5	8.8					5.3	8.4			6.1		6.2			
13	DSK4A	DSK4A013	Lê Thụy	Thảo	04/04/1991	Huế	M		M	M	M	M				8.0								4.0								
14	DSK4A	DSK4A014	Nguyễn Thị	Sang	06/03/1978	TPHCM	M	M	M	M	M	M	M	M		6.9	7.7	7.6					5.7	7.6			6.3		5.3			
15	DSK4A	DSK4A017	Nguyễn Thị Tiểu	My	20/10/1994	Quảng Ngãi	M	M	M	M	M	M		M		8.3	7.0	7.4					5.6	5.0			8.5		6.4			
16	DSK4A	DSK4A018	Thái Thanh	Trúc	19/03/1979	Hậu Giang	M	M	M	M	M	M				6.5	5.7	10.0					5.7	7.0			6.6		5.6			
17	DSK4A	DSK4A020	Bùi Thị Tuyết	Lan	07/03/1979	Thái Bình	M	M	M	M	M	M					2.0															
18	DSK4A	DSK4A021	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	30/09/1979	Hà Tĩnh	M	M			M					8.0	7.0						5.1				6.7		6.1			
19	DSK4A	DSK4A022	Lê Thị Hồng	Phấn	28/09/1980	Lâm Đồng	M		6.5	8.7	M					5.8	7.9						5.4	5.6			6.0		5.0			
20	DSK4A	DSK4A023	Đặng Thị Bích	Thảo	19/01/1984	Thuận Hải	M	M	7.0		M					9.5	7.8						5.9				8.7		5.0			
21	DSK4A	DSK4A024	Nguyễn Thị	Hằng	25/09/1992	Quảng Trị	M	M	M	M	M																2.5					
22	DSK4A	DSK4A025	Lê Văn	Khiêm	04/04/1990	Quảng Ngãi	M	M	M	M	M	M	M			8.1	7.0						4.9				5.3		5.3			
23	DSK4A	DSK4A026	Trần Minh	Châu	25/01/1992	Phú Yên	M		M	M	M	M				8.3	6.8						5.1				8.4		6.4			
24	DSK4A	DSK4A027	Lê Thị Thúy	Kiều	21/03/1981	Phú Yên	M		7.0	M	M	M				8.2	6.3						5.3				8.0		5.6			
25	DSK4A	DSK4A028	Nguyễn Thị	Lý	08/10/1995	Lâm Đồng	M	M	M	M	M	M	M	M		3.5	8.0										9.1					
26	DSK4A	DSK4A029	Ôn Hồng	Quan	08/10/1995	TPHCM										5.5	6.5						4.6									
27	DSK4A	DSK4A030	Nguyễn Văn	Thanh	18/09/1992	Nghệ An	M	M	6.0	M	M					7.0							6.1						5.3			
28	DSK4A	DSK4A031	Nguyễn Ngọc Thùy	Dung	11/12/1971	TPHCM	M	M	6.0	8.5	M					6.6							6.1						5.8			
29	DSK4A	DSK4A032	Lâm Gia	Bảo	29/07/1988	Trà Vinh			M	7.2													4.9						5.0			